

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 19-01-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản D, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Hoan, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản D, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Anh Hoan hiện đang chấp hành án tại phân trại số 01, trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn Hoan kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13/3/2008, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm

2019 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện ma túy, chị Lò Thị C và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Hoan vẫn không nghe dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị C và anh Lò Văn Hoan sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh Lò Văn H đang chấp hành án tại phân trại số 01, trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an. Chị Lò Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn H có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lệ Q, sinh ngày 18/8/2011. Hiện tại cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q đang sống chung với chị Lò Thị C.

Chị Lò Thị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q. Chị Lò Thị C không yêu cầu anh Lò Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị C cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, bị đơn anh Lò Văn Hoan trình bày (Có xác nhận của trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an):

Về hôn nhân: Anh Lò Văn H và chị Lò Thị C kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn Hoan nghiện ma túy, anh Hoan và chị Chiêu đã sống ly thân được nhiều năm cho đến khi anh Hoan phạm tội. Anh Lò Văn Hoan xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Lò Thị C.

Về con chung: Anh Lò Văn H và chị Lò Thị C có 02 (hai) con chung cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lệ Q, sinh ngày 18/8/2011. Anh Lò Văn H nhất trí để chị Lò Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lệ Q, sinh ngày 18/8/2011.

Về tài sản chung: Anh Lò Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn H khai không có nợ chung.

Nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do Tòa án thu thập và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Chiêu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lò Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lê Q, sinh ngày 18/8/2011 cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị C yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn H có địa chỉ tại bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị C, bị đơn anh Lò Văn H: Nguyên đơn chị Lò Thị C, bị đơn anh Lò Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn H kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13/3/2008, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Lò Văn H đang chấp hành án tại phân trại số 01, trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an. Chị Chiêu cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn H. Anh Lò Văn H nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn H. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn H có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lệ Q, sinh ngày 18/8/2011. Hiện tại cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q đang được chị Chiêu chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lò Thị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q. Do anh H đang đi chấp hành án, anh H nhất trí để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: chị Chiêu có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi. Anh Lò Văn Hoan không có công việc, thu nhập, anh Hoan nghiện ma túy (đang chấp hành án).

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Chiêu không yêu cầu, anh Hoan không có khả năng cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị C, anh Lò Văn H không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị C có ý kiến xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Chị Lò Thị C, anh Lò Văn H có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 23/3/2009 và cháu Lò Lệ Q, sinh ngày 18/8/2011. Giao cháu Lò Thị H và cháu Lò Lệ Q cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lò Thị C và anh Lò Văn H không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị C.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị C, anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã C, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng